

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan;
2. Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH J (JIVF);

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà Centec, 72-74 K, phường V, quận 3, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông A - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K (văn bản ủy quyền số 58/2022/UQ-JIVF ngày 06/12/2022 của Tổng Giám đốc JIVF).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1997;

Anh Trịnh Xuân M - sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã Q, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt anh C, vắng mặt chị T, anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 25/01/2022, giữa Công ty tài chính TNHH J và anh Trịnh Xuân M, chị Nguyễn Thị T ký kết hợp đồng tín dụng số 880200002471747000 với nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 511.214.000 đồng (năm trăm mười một triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng);

- Thời hạn vay: 84 tháng;

- Mục đích vay: Vay để mua xe ô tô và mua bảo hiểm

- Lãi suất: 12,708%/năm

- Kỳ hạn trả nợ: Theo tháng. Ngày đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên: 22/02/2022. Mỗi kỳ trả 9.231.024 đồng (bao gồm gốc + lãi + phí). Số tiền thanh toán kỳ cuối (dự kiến): 7.220.813 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nêu trên, chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Xuân M ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số: 880200002471747000-HĐTC với Công ty tài chính, cụ thể:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là Xe ô tô Vinfast Lux A2.0 nâng cao, biển kiểm soát 36A-737.97, số khung RPXAB1RSFNV000213, số máy 213630030VF20SED, đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Thị T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty tài chính đã giải ngân đầy đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng cho chị T, anh M. Quá trình thanh toán, chị T, anh M thường xuyên không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán mặc dù đã được Công ty tài chính đôn đốc. Tạm tính đến ngày 13/6/2024, chị T, anh M đã trả được cho Công ty tài chính tổng cộng số tiền 147.810.206 đồng, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 67.039.141 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 80.465.243 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 125.822 đồng;

- Phí quản lý khoản vay: 180.000 đồng;

Tại phiên tòa, Công ty tài chính giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với đề nghị Tòa án buộc chị T, anh M phải trả cho công ty một lần toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 13/6/2024 (ngày xét xử) là:

- Nợ gốc: 444.174.859 đồng;

- Nợ lãi trong hạn: 57.568.370 đồng;

- Nợ lãi quá hạn: 2.944.490 đồng;

Tổng cộng: 504.687.719 đồng.

Buộc chị T, anh M tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn, các loại phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày 14/6/2024 cho đến ngày chị T, anh M thanh toán toàn bộ khoản vay.

Công ty tài chính rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về phí quản lý khoản vay.

Trường hợp chị T, anh M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Công ty tài chính được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên.

** Quá trình làm việc, chị T, anh M không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, từ chối nhận các văn bản của Tòa và không thể hiện quan điểm bằng văn bản về việc giải quyết vụ án.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng là vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH J, buộc chị T, anh M trả toàn bộ các khoản nợ cho Công ty. Nếu chị T, anh M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành tài sản đảm bảo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty tài chính TNHH J với chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M với mục đích vay mua xe ô tô và mua bảo hiểm. Hợp đồng tín dụng được ký kết hợp pháp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh T nên Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hợp đồng tín dụng:

Ngày 25/01/2022, giữa Công ty tài chính TNHH J với chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M kết hợp đồng tín dụng số 880200002471747000. Việc ký hợp đồng tín dụng là tự nguyện giữa hai bên, người tham gia ký hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và

trái đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ và giải ngân đầy đủ cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M theo đúng hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên chị T, anh M nhiều lần không trả nợ theo đúng cam kết đã ký mặc dù Công ty tài chính đã nhiều lần đôn đốc là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 3, Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 880200002471747000 ngày 25/01/2022. Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của chị T, anh M sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký.

Việc tính lãi của Công ty tài chính đúng với mức lãi suất theo hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Từ thời điểm Ngân hàng làm đơn khởi kiện đến thời điểm xét xử, chị T, anh M không trả thêm được khoản tiền nợ nào cho Ngân hàng. Anh chị cũng không đến Tòa án làm việc để tìm phương án giải quyết tranh chấp giữa các bên. Điều đó cho thấy chị T, anh M không có thiện chí để trả nợ. Như vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị T, anh M phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Công ty. Số tiền nợ tính đến ngày 13/6/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 504.687.719 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ tư triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm mười chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 444.174.859 đồng; Nợ lãi trong hạn: 57.568.370 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.944.490 đồng.

Đồng thời, chị T, anh M tiếp tục phải chịu khoản lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh trên số dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến thời điểm thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Công ty tài chính TNHH J.

Đối với đề nghị của Công ty tài chính về rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về phí quản lý khoản vay là sự tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

[3]. Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Chị T, anh M đã ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số: 880200002471747000-HĐTC với Công ty tài chính TNHH J. Nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Khi ký hợp đồng thế chấp các bên đều thừa nhận tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người thế chấp và không có tranh chấp với ai; Trình tự, thủ tục thế chấp tài sản đúng quy định tại các Điều 317 của Bộ luật dân sự. Do đó, Công ty tài chính yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp chị T, anh M không trả được nợ là phù hợp với Điều 299 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của Công ty tài chính TNHH J được chấp nhận nên chị T, anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện về phí quản lý khoản vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH J về:

- Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M phải trả cho công ty tài chính toàn bộ khoản nợ tính đến 13/6/2024 (ngày xét xử) theo Hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 880200002471747000 ký ngày 25/01/2022, cụ thể:

+ Nợ gốc: 444.174.859 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 57.568.370 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 2.944.490 đồng;

Tổng cộng: 504.687.719 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ tư triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm mười chín đồng*)

2. Kể từ ngày 14/6/2024, chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M phải tiếp tục chịu các khoản nợ lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo quy định của hợp đồng tín dụng số 880200002471747000 ký ngày 25/01/2022.

3. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì công ty tài chính có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T thi hành tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (động sản) số: 880200002471747000-HĐTC ngày 25/01/2022 là:

Xe ô tô Vinfast Lux A2.0 nâng cao, biển kiểm soát 36A-737.97, số khung RPXAB1RSFNV000213, số máy 213630030VF20SED, đứng tên chủ sở hữu là Nguyễn Thị T.

5. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M có nghĩa vụ trả hết số nợ còn lại cho Công ty tài chính TNHH J.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Xuân M phải nộp 24.187.500đ (hai mươi tư triệu một trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Trả lại cho Công ty TNHH J toàn bộ số tiền 10.871.000đ (mười triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002771 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh